

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác đá thạch anh tảng lẫn trong khu vực diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (khu vực 25,22 ha)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác đá thạch anh tảng lẫn trong khu vực diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (khu vực 25,22 ha) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 10/2021/CV-NLQN ngày 02/4/2021 của Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 237/TTr-STNMT ngày 08 tháng 4 năm 2021 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác đá thạch anh tảng lẫn trong khu vực diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (khu vực 25,22 ha) (sau đây viết tắt là dự án) do Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam làm Chủ dự án (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và các nội dung tại Điều 1 quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền thực hiện các nội dung sau:

1. Xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát Chủ dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

3. Trường hợp Chủ dự án vi phạm các quy định tại quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Quế Sơn; Chủ tịch UBND xã Quế Hiệp; Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển nông lâm Quảng Nam; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC05;
- Phòng TN&MT huyện Quế Sơn;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trí Thanh

Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2021

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC**



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "Khai thác đá thạch anh tảng lẫn trong khu vực diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (khu vực 25,22ha)"

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2021
của UBND tỉnh Quảng Nam)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Phạm vi Dự án

Dự án khai thác đá thạch anh tảng lẫn trong khu vực diện tích dự án đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa nước Lộc Đại, xã Quế Hiệp, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (khu vực 25,22 ha) có ranh giới tứ cận như sau:

- Phía Tây giáp đất trồng keo của người dân.

- Phía Đông, Bắc và Nam giáp khu vực lòng hồ dự án đầu tư xây dựng Hồ chứa nước Lộc Đại.

Tọa độ khu vực khai thác

Điểm góc	Tọa độ VN 2000- kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰		Điểm góc	Tọa độ VN 2000- kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
Diện tích toàn khu vực 28,76 ha					
L1	1.737.210	548.092	L30	1.736.808	547.930
L2	1.737.168	548.055	L31	1.736.803	547.983
L3	1.737.155	548.008	L32	1.736.793	548.021
L4	1.737.166	547.962	L33	1.736.789	548.057
L5	1.737.204	547.936	L34	1.736.753	548.092
L6	1.737.231	547.921	L35	1.736.723	548.075
L7	1.737.276	547.874	L36	1.736.672	548.039
L8	1.737.288	547.851	L37	1.736.629	548.002
L9	1.737.248	547.845	L38	1.736.587	547.965
L10	1.737.253	547.866	L39	1.736.554	547.949
L11	1.737.243	547.879	L40	1.736.526	548.011
L12	1.737.230	547.880	P12(A57)	1.736.554	548.036
L13	1.737.192	547.859	P13(A58)	1.736.639	548.101
L14	1.737.178	547.823	P14(A59)	1.736.673	548.144
L15	1.737.159	547.793	P15(A60)	1.736.724	548.223
L16	1.737.134	547.783	P16(A61)	1.736.772	548.292
L17	1.737.105	547.794	P17(A62)	1.736.816	548.257

Điểm góc	Tọa độ VN 2000- kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰		Điểm góc	Tọa độ VN 2000- kinh tuyến trục 107 ⁰ 45', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
L18	1.737.073	547.818	P18(A63)	1.736.830	548.290
L19	1.737.035	547.825	P19(A64)	1.736.859	548.322
L20	1.737.003	547.861	P20(A65)	1.736.961	548.372
L21	1.736.963	547.866	P21(A66)	1.737.004	548.404
L22	1.736.962	547.833	P22(A67)	1.737.184	548.478
L23	1.736.976	547.796	P23(A68)	1.737.215	548.405
L24	1.736.922	547.788	P24(A69)	1.737.267	548.341
L25	1.736.894	547.801	P25(A70)	1.737.314	548.186
L26	1.736.862	547.811	R45	1.737.291	548.147
L27	1.736.820	547.814	R46	1.737.228	548.130
L28	1.736.807	547.840	Khép về Tọa độ điểm L1		
L29	1.736.797	547.879			
Trừ khu vực II đã cấp phép 2,3 ha			Trừ khu vực III đã cấp phép 1,24 ha		
A71	1.737.025	547.987	A81	1.736.919	548.211
A72	1.736.975	548.071	A82	1.736.879	548.233
A73	1.736.931	548.097	A83	1.736.844	548.217
A74	1.736.891	548.084	A84	1.736.841	548.104
A75	1.736.911	548.051	A85	1.736.864	548.121
A76	1.736.863	547.967	A86	1.736.944	548.103
A77	1.736.870	547.908	A87	1.736.999	548.134
A78	1.736.918	547.896	A88	1.736.984	548.159
A79	1.736.968	547.894	A89	1.736.919	548.178
A80	1.737.001	547.953			
Diện tích khu vực xin cấp phép: 25,22 ha					

1.2. Quy mô của Dự án

- Diện tích khu vực khai thác: 25,22 ha.
- Trữ lượng khai thác: 78.832 m³ tương đương 212.816 tấn (tỷ trọng 2,71 tấn/m³).
- Công suất khai thác: 39.416 m³/năm tương đương 106.423 tấn/năm.
- Tuổi thọ mỏ: đến hết tháng 12/2022.

Đối với hoạt động đền bù, thu hồi đất và hoạt động chế biến sản phẩm sau khai thác không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường của Dự án này.

1.3. Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án (nằm ngoài phạm vi khu vực Dự án)

- Nhà làm việc: 30 m².
- Nhà bảo vệ, trạm cân, camera: 20 m².
- Nhà kho: 50 m².
- Nhà ở công nhân: 30 m².
- Nhà vệ sinh, nhà tắm: 20 m².
- Kho lưu trữ chất thải nguy hại: 10 m²

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác và hoạt động vận chuyển sản phẩm sau khai thác.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân.
- Chất thải rắn (CTR) là đất đá rơi vãi do vận chuyển; CTR sinh hoạt của công nhân viên và chất thải nguy hại (CTNH) từ máy móc, thiết bị khai thác.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Trong giai đoạn chuẩn bị khai thác

Chủ yếu là bụi đất từ quá trình dọn dẹp mặt bằng khai thác.

b) Trong giai đoạn khai thác

- Bụi từ hoạt động khai thác, xúc bốc, vận chuyển đá về khu chế biến.
- Khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông với thành phần chủ yếu là CO, NO₂, SO₂.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải

- Dự án không làm phát sinh nước thải sản xuất.
- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,6m³/ngày. Tính chất của nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS, Nito, Tổng P, các chất hoạt động bề mặt, Coliform.
- Nước mưa chảy tràn: chứa các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực dự án.

2.4. Quy mô, tính chất của CTR thông thường

a) Giai đoạn chuẩn bị khai thác

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là các chất hữu cơ, nilon, giấy vụn,... khối lượng khoảng 05 kg/ngàydêm.

- Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng chủ yếu là sinh khối thảm thực vật có khối lượng khoảng 80m³ trong suốt giai đoạn khai thác.

b) Giai đoạn khai thác

- Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là giấy, thức ăn thừa, bao bì nilon,.. với khối lượng khoảng 14,4 kg/ngàydêm.

- Chất thải rắn chủ yếu là đất đá rơi vãi trong quá trình khai thác, vận chuyển với khối lượng khoảng 10kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của CTNH

- Giai đoạn chuẩn bị khai thác: không phát sinh chất thải nguy hại.
- Giai đoạn khai thác: khối lượng CTNH phát sinh khoảng 20 kg/tháng.

3. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị khai thác

3.1.1. Đối với nước thải sinh hoạt

- Ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương có điều kiện tự túc ăn ở.
- Sử dụng công trình nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà điều hành để phục vụ cho công nhân. Nước thải được lưu giữ tại bể chứa, định kỳ thuê đơn vị thu gom và xử lý theo quy định.

3.1.2. Đối với bụi và khí thải

- Bố trí công nhân hướng dẫn phương tiện đến tập kết tại công trường, hạn chế tối đa việc tập trung nhiều thiết bị thi công cùng lúc trên công trường.
- Phương tiện vận chuyển lưu thông với tốc độ để hạn chế bụi đất bị cuốn lên từ mặt đất.
- Vận hành máy móc đúng quy trình kỹ thuật, hoạt động đúng công suất và bảo dưỡng định kỳ.
- Các phương tiện, máy móc phục vụ thi công phải được đăng kiểm, đủ điều kiện hoạt động theo quy định.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

- Khuyến khích người dân thu hồi toàn bộ cây trồng, thành phần cây cối còn giá trị sử dụng được để hạn chế tối đa lượng sinh khối thải bỏ.
- Đối với các CTR không tận dụng: hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý đúng quy định.

3.2. Trong giai đoạn khai thác

3.2.1. Về xử lý bụi, khí thải

*** Giảm thiểu bụi phát sinh từ hoạt động khai thác**

- Thực hiện vệ sinh, tưới nước tại khu vực khai thác với tần suất 04 lần/ngày.
- Thực hiện khai thác đến đâu giải phóng mặt bằng đến đó, không đôn hạ cây cối ngoài phạm vi dự án.
- Khai thác theo đúng công suất, hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

*** Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển**

- Sử dụng bạt che kín thùng xe khi vận chuyển, không chở đá quá thành xe, quá trọng tải thiết kế.

- Sử dụng nhiên liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và bảo đảm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo trì máy móc để bảo đảm thiết bị luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt.

- Lưu thông với tốc độ chậm để hạn chế bụi đất bị cuốn lên từ mặt đất.

- Thường xuyên phun, tưới nước trên đoạn đường vận chuyển từ khu vực Dự án đến tuyến đường ĐT611 với tần suất 04 lần/ngày và tăng tần suất vào những ngày nắng nóng, hanh khô.

- Tất cả các xe ra khỏi công trình phải được phun nước để rửa sạch đất, cát bám xung quanh để không gây ô nhiễm môi trường. Nước rửa được thu về hố lắng có thể tích khoảng 3m³, dầu mỡ trong bể lắng được thu gom vào thùng chứa CTNH và bùn cặn từ hố lắng dùng để san gạt mặt bằng.

- Bố trí công nhân thường xuyên thực hiện quét dọn đất đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển để hạn chế đất đá rơi vãi ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

- Hạn chế vận chuyển vào khung giờ cao điểm có mật độ lưu thông cao trên đường.

** Giảm thiểu tác động do khí thải của máy móc thiết bị, phương tiện thi công*

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì máy móc, thiết bị.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển tại Công trình phải đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

3.2.2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước

a) Đối với nước thải sinh hoạt

Sử dụng công trình nhà vệ sinh có bể tự hoại 3 ngăn tại khu vực nhà điều hành để phục vụ cho công nhân. Nước thải được lưu giữ tại bể chứa, định kỳ thuê đơn vị thu gom và xử lý theo quy định.

Yêu cầu bảo vệ môi trường: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được chuyển giao cho đơn vị thu gom và xử lý theo quy định.

b) Đối với nước mưa chảy tràn

- Bố trí các mương, rãnh định hướng dòng chảy nhằm hạn chế rửa trôi, xói mòn đất.

- Định kỳ nạo vét bùn cặn tại các mương, rãnh, vị trí trũng thấp tại khu vực khai thác.

- Thu gom các chất thải trên bề mặt khu vực khai thác, hạn chế tối đa dầu mỡ rơi vãi nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các chất bẩn bị cuốn theo nước mưa chảy tràn.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý CTR

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại CTR trong quá trình

hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý CTNH

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại CTNH trong quá trình hoạt động Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Các biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó rủi ro, sự cố môi trường:

* Phòng ngừa tai nạn lao động

- Kiểm tra việc bố trí, lắp đặt và bổ sung biển báo, biển cấm, bản nội quy an toàn lao động tại những vị trí trọng điểm để hướng dẫn, nhắc nhở công nhân khi làm việc phải thực hiện nghiêm túc các nội dung quy định.

- Khi đóng cắt điện phải có đủ các dụng cụ an toàn phù hợp với yêu cầu của công việc (găng tay, ủng, sào, thảm cách điện...).

- Thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở công nhân mỗ sử dụng dụng cụ bảo hộ lao động như giày, ủng, mũ cứng, kính đeo mắt, găng tay, khẩu trang, ...

- Phối hợp với chính quyền địa phương thông báo để người dân được biết kế hoạch khai thác.

* Biện pháp phòng ngừa tai nạn giao thông

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình vận chuyển sản phẩm sau khai thác, không chạy quá tốc độ cho phép, hạn chế đến mức thấp nhất tai nạn giao thông xảy ra. Yêu cầu công nhân lái xe thực hiện đúng luật giao thông. Thực hiện khắc phục sửa chữa hạ tầng giao thông khi xảy ra hư hỏng.

- Có phương án điều tiết số lượng phương tiện vận chuyển sản phẩm lưu thông trên trục đường giao thông, quy định cụ thể về thời gian vận chuyển trong ngày (không vận chuyển vào thời gian cao điểm, ban đêm), không bóp còi, tuân thủ vận tốc lưu thông khi qua các khu vực đông dân cư.

- Khi xảy ra tai nạn giao thông cần nhanh chóng đưa người bị nạn đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất, liên hệ với công an địa phương để khắc phục sự cố đảm bảo an toàn giao thông khu vực.

4. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường

- Khai thác đến đâu tiến hành san gạt mặt bằng đến đó.

- Thực hiện tu sửa tuyến đường vận chuyển từ đường bê tông kết nối từ dự án đến đường DHQS01.

- Tuân thủ công tác hoàn thổ, bàn giao mặt bằng theo sự thống nhất giữa Chủ dự án và chủ đầu tư thi công công trình Hồ chứa nước Lộc Đại.

4.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương án ký quỹ

- Tổng kinh phí thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường: 133.200.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*).

- Tổng tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: 133.200.000 đồng (*Một trăm ba mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng*). Số tiền này chưa tính tới yếu tố trượt giá sau năm 2021.

- Số lần ký quỹ: Tuổi thọ mỏ là 2 năm (thuộc trường hợp có thời hạn khai thác từ 01 năm đến dưới 10 năm) sẽ thực hiện ký quỹ nhiều lần cụ thể như sau:

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 33.300.000 đồng (*Ba mươi ba triệu, ba trăm nghìn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ năm sau: 99.900.000 đồng/năm (*Chín mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng*).

- Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt thì Chủ Dự án có trách nhiệm điều chỉnh nội dung và tính toán số tiền ký quỹ theo thời gian trong Giấy phép khai thác khoáng sản đã cấp trình UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, điều chỉnh.

- Thời điểm ký quỹ: Việc ký quỹ lần đầu được thực hiện trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ sau khi Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp và ký quỹ lần thứ hai phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập).

5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

TT	Công trình	Bố trí công trình	Dự trù kinh phí (đồng)
1	Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	Bố trí tại khu nhà làm việc, nhà lưu trú	Đã có sẵn
2	Thùng chứa chất thải nguy hại	Bố trí trong kho chứa CTNH	Đã có sẵn
3	Nhà vệ sinh có bể tự hoại	Tại khu nhà làm việc	Đã có
4	Biển báo, biển hiệu	Bố trí tại khu vực lưu giữ nhiên liệu, khu vực có thể gây nguy hiểm...	Đã có

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

TT	Hạng mục giám sát	Thông số	Khối lượng	Tần suất	Cơ sở so sánh, đánh giá
I Giai đoạn khai thác mỏ					
1	Giám sát MTKK và tiếng ồn	Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng, độ rung, SO ₂ , NO ₂ , CO.	- 1 điểm: tại khu vực đang thi công khai thác - 1 điểm: tại đầu đường ĐHQSO1 rẽ vào khu vực dự án.	03 tháng/lần	QĐ 3733/2002/QĐ-BYT; QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.
2	Giám sát môi trường nước mặt	pH, BOD ₅ , COD, DO, TSS, Amoni, Nitrat, Photphat, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ, tổng Coliforms.	1 điểm: lấy tại khe suối trong khu vực dự án.	03 tháng/lần	QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B ₁)
3	Giám sát CTR	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết.	- Toàn khu mỏ.	Thường xuyên	Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ
4	Giám sát CTNH	Khối lượng, công tác thu gom, tập kết.	- Toàn khu mỏ.		Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
5	Giám sát khác	Tình hình sạt lở đất, đá lăn	- Toàn khu mỏ.	Thường xuyên	-

7. Trách nhiệm của Chủ dự án:

- Tổ chức việc khai thác theo đúng tọa độ, diện tích trữ lượng của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; chống trôi trượt đất đá thải ra môi trường xung quanh.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

- Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường, gây xói lở do việc thực hiện Dự án; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Quế Sơn để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát và thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

- Thực hiện việc cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo đúng quy định. Lập, trình Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành từng phần hoặc toàn bộ nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quế Sơn trước ngày 31 tháng 01 hàng năm.

- Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ dự án có trách nhiệm nộp số tiền ký quỹ phải tính đến các yếu tố trượt giá và được xác định bằng số tiền ký quỹ nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó từ thời điểm Phương án cải tạo, phục hồi môi trường được phê duyệt. Đồng thời, Chủ dự án phải có trách nhiệm kê khai và nộp tiền ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (trong trường hợp Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam chưa được thành lập) theo mẫu quy định tại Phụ lục số 12 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trong quá trình triển khai dự án, Chủ dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4 Khoản 7 Điều 1 tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

8. Các điều kiện liên quan kèm theo:

- Tổ chức theo dõi, quan trắc các khu vực móng khai thác và có giải pháp

phòng ngừa sự cố hiện tượng sạt lở; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành khai thác như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu nêu tại quyết định này và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp chặt chẽ chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án; thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động khi thực hiện Dự án.